

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 183

HÀNH TRẠNG
CỦA TAM TẠNG PHÁP SƯ
HUYỀN TRANG
ĐỜI ĐƯỜNG

SỐ 2052

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2052

HÀNH TRẠNG CỦA TAM TẠNG PHÁP SƯ HUYỀN TRANG ĐỜI ĐƯỜNG

Pháp sư tên húy là Huy, tự Huyền Trang, họ Trần, là con cháu của Hán Thái Khâu Trương Trọng Cung. Quê ở Dĩnh Xuyên, sau dời về Hà Nam, cháu con do đó mà là người họ Hầu. Đời Cao Tổ có Quan Thái Thú Ngụy Thanh Hà từng làm Sơn Ngụy chinh Đông tướng Quân ở Quận Nam Dương. Là bậc khai Quốc Công tổ được phong làm khang Tế Quốc tử Bác sĩ chuyển tư Nghiệp. Lại được chuyển làm Lễ Bộ Thị Lang. Vị này văn tuệ anh tài thanh khiết có nhã khí tiết tháo, lại sớm thông kinh thuật, thân cao tám thước, mày đẹp mắt sáng, áo bầu đai rộng, thích hình dung của bậc nho gia.

Sau lại dời về Giang Lăng. Khi nhà Tùy suy, bèn dứt hết ân oán trong lòng, kết chí ly trần, làm bậc cao sĩ trong đời.

Mẹ Ngài là người họ Tống, là con gái của Tùy Lạc Châu Trương Sử khâm. Pháp sư là con thứ tư, khi còn nhỏ đã thông minh hơn người. Đến năm hai mươi tuổi, dung biểu càng thêm trinh thuần, bậc cơ trí có khác, lại thông minh lanh lợi khác thường. Đây là do gieo trồng căn lành từ nhiều đời trước, nên sớm chán cảnh bó buộc duyên trần. Suy nghĩ về cửa huyền đạo giác ngộ. Đem đại nghiệp cứu giúp muôn loài, hóa độ tăng ni. Bấy giờ, có sứ nhân của nước Đại Lý là Trịnh Thiện Quả, có việc đi vào thành một lần thấy Pháp sư, liền nói rằng:

- Người này tuổi tuy nhỏ mà phong điệu cốt cách rất lạ, nếu là người xuất gia thì chắc chắn sẽ là rường cột của Phật pháp, nhân đó cho phép xuất gia, dừng nghỉ tại Đạo tràng Tịnh độ ở Đông Đô, bấy giờ

có Pháp sư Cảnh giảng kinh Niết-bàn. Sư nghe cầm giữ mãi bên mình quên cả ăn ngủ. Lại học Nhiếp luận của Nghiêm Pháp sư rất thích thú. Một lần nghe xong sau lại xem lần nữa, thì đều ghi nhớ không hề sót. Đại chúng thấy đều kinh lạ. Liên mời sư lên tòa giảng lại. Thế là sư giảng dạy kinh pháp mọi lẽ rất tường tận.

Tiếng tăm từ đây vang dội. Đó là năm mười lăm tuổi. Về sau nhà Tùy suy sụp, nhân dân ly tán. Sư bèn nói với người anh rằng thôn ấp tuy là của cha mẹ, mà thời buổi loạn lạc như thế, lẽ nào giữ để mà chết, nghe nói vua nhà Đường cùng dân chúng khởi binh khắp nơi, nay đang chiếm cứ Trường An, dân chúng trong nước đều theo về. Cha mẹ và người anh cũng nguyện đi theo. Ngài cũng đến đó. Bây giờ là niên hiệu Vũ Đức năm đầu (618). Lúc này nhà Đường mới sáng lập, nơi kinh thành cũng chưa có giảng đường.

Lúc đầu, vua Dạng Đế nhà Tùy có cho xây bốn đạo tràng ở Đông Đô, cho mời tăng ni khắp trong nước. Đến những năm cuối thì đất nước loạn lạc. Mọi người lo lắng nên phần nhiều đều dời đến đất Thục. Người biết pháp nghĩ rằng Đạo pháp sẽ hưng thịnh ở đây. Pháp sư thưa với anh là không có việc gì, xin đến đất Thục để thọ nghiệp. Người anh cũng đi theo. Trải qua nhiều hiểm trở mới đến được Hán Xuyên, gặp được hai vị Pháp sư Không và Cảnh, đều là bậc Đại đức ở đạo tràng, từ đó mà Ngài xin theo học. Sau đó thì đi đến thành đô, tuy là bạn đồng hành nhưng vẫn giữ lòng cung kính, tùy chỗ mà tham vấn học hỏi.

Khi đến Ích Châu, các bộ Nhiếp luận, Tỳ-đàm mỗi bộ đều giảng một biến. Các vị Đại đức cùng họp bàn, để xây dựng đạo pháp ở đây. Ngài càng ra sức giảng Nhiếp luận. Tỳ-đàm vì chí muốn mở mang đạo Thích-ca, rất kính tiếc thời giờ. Khoảng bốn năm năm, nghiên cứu thông thạo hết các bộ. Mỗi khi lên tòa thuyết giảng, thường có vài trăm người là bậc kỳ tài có thể lãnh hội được ý chỉ, mọi người đều tin phục.

Vị sư huynh Pháp sư, nhân đó mà đến chùa Không Tuệ ở Thành Đô. Tức là Pháp sư Trường Tiệp vậy. Pháp sư cũng là bậc tài giỏi phong thần. Thế trạng khôi ngô, mạnh mẽ, lại thêm tuấn tú. Mỗi khi đi ra ngoài thì mọi người bên đường ai trông thấy cũng dừng xe lại. Ngài thường giảng kinh Niết-bàn, luận Nhiếp Đại thừa, A-tỳ-đàm, lại thông cả sử truyện, và giỏi về lão Trang, được người đất Thục kính trọng. Quan Tổng Quản là Toản Công, Quan Thượng Thư là Vi vân khởi v.v... đều đặc biệt khâm phục.

Đến nỗi mỗi lời nói ra đều ẩn kín nét phong lưu, tiếp vật độ phàm, văn sơ điển chương đều hòa quang vui vẻ, hợp với tình lý đạo tục.

Nếu có nói lời gì thì lý lẽ thanh tao, không hề vương bụi trần. Đi khắp nơi mà vẫn thấu cùng lẽ nhiệm mầu, chí khí lại sâu xa. Tiếp nối đạo nghiệp của Thánh hiền, giữ gìn giếng mối đạo mầu. Đi giữa dòng đời mà vượt xa thế tục, chịu lấm phong ba mà ý vẫn không mệt mỏi. Gặp đại nạn mà khí tiết vẫn cao ngời, hiểu sâu mọi thắc mắc sâu xa của người xưa. Khai mở cho kẻ hiền chưa tỏ ngộ. Để lại công đức nhân nghĩa cho đời sau, làm khuôn phép cho người đương thời. Người noi theo chẳng phải là ít. Nhưng anh em hai người, ý đức thanh quy, khí chất hòa nhã lưu danh ở đời. Tuy ở chốn rừng núi xa xôi hoang vắng mà cũng có người biết tới. Năm Pháp sư hai mươi một tuổi, vào niên hiệu Vũ Đức thứ năm, Ngài ở nơi Thành đô thọ giới cụ túc, nhập hạ học luật, cùng các tông năm thiên bảy tụ, cũng soi khắp từ đây. Kinh luận của Ích bộ đều nghiên cứu tường tận. Thế nên lại nghĩ về kinh để tham vấn những yếu chỉ thù thắng. Nhưng vẫn còn ngần ngại, vì người anh cứ giữ lại, nên vẫn chưa toại ý. Bèn bí mật nhập với những người đi buôn sữa soạn thuyền buồm ba chiếc, ven theo dòng sông mà trốn đến Kinh châu, dừng lại tại chùa Thiên Hoàng. Chư Tăng tụ ở chùa này, đem văn nghĩa kinh luận từ lâu nay ra luận nghị rồi thỉnh Pháp sư nói lại, Pháp sư vì mọi người mà nói lại Nhiếp luận và Tỳ-đàm mỗi bộ nói ba ngày mới xong. Sau đó lại đi lên hướng Bắc, đến Trương Châu thưa hỏi các vị tiên đức. Yết kiến Pháp sư Đạm học luận Thành thật.

Lại đến Trường An, học luận Câu-xá với Pháp sư Nhạc, chỉ một lần thì hiểu hết mọi yếu chỉ, chỉ qua mắt là ghi nhớ ở trong tâm. Các vị Tôn Đức ở kinh thành, đều tìm đến thăm hỏi những chỗ dị đồng. Quan Bộc Xạ là Tổng Công Tiêu là hai anh em, lại rất trân trọng kính mến. Rồi đến chùa Đại Trang Nghiêm, sư đến ra mắt các vị hiền tăng, sau bữa ăn thì nói pháp, giải thích rõ ràng các yếu nghĩa. Đem thánh điểm khảo nghiệm cùng tăng đồ, lý lẽ ẩn hiện có khác nhau, không biết theo lý nào. Ngài bèn thệ nguyện đến Tây Vực, để hỏi rõ những điều còn thắc mắc. Phân tích luận Thập Thất Địa, để giải thích các điều nghi. Đó chính là luận Du-già-sư-địa. Lại nói chuyện ngày trước có ngài Pháp Hiển, Trí Nghiêm, cũng là kẻ sĩ một thời, đều có thể đến cầu pháp, làm lợi ích cho chúng sanh, ta nên nối tiếp người. Bèn kết bạn với Trần Biểu, có sắc lệnh không cho đi. Mọi người đều trở lại, chỉ có Pháp sư không chịu khuất phục. Một mình tiến về phía trước, lại đi theo đường phía Tây rất nguy hiểm. Bèn tự xét lại tâm mình, hỏi han những điều khổ, các thứ điều phục, chịu đựng không lui sụt.

Sau đó mới đi vào tháp, mới bày tỏ ý mình, nguyện xin các thánh

thăm gia hộ, đi về đều không gặp chướng nạn, khó khăn. Lúc Pháp sư mới sanh ra, mẹ nằm mộng thấy Pháp sư mặc y trắng đi về hướng Tây.

Mẹ nói: Con là con của ta, bây giờ định đi đâu?

Đáp rằng: Vì cầu pháp nên đi. Đây chính là điềm báo trước về việc tạo lập giếng mới thánh điển sau này. Niên hiệu Trinh Quán thứ ba. Lúc sắp ra đi sư lại cầu điềm ứng hiện. Trong đêm đó nằm mộng thấy trên biển cả mênh mông có ngọn núi Tô-mê-lô cực kỳ rực rỡ trang nghiêm, ý muốn bước lên. Khi đó sóng vỗ dữ tợn mà vẫn không sợ, bèn quyết ý bước lên, bỗng nhiên thấy có đóa hoa sen đầy hết sóng ra ngoài, hễ chân bước đến đâu thì có hoa sen đến đó, trong giây lát đã đến núi. Nhưng núi cao chót vót không thể lên được, rồi thân tự bay lên. Khi lên tới đỉnh, nhìn xem bốn phía đều rộng lớn bao la không có gì ngăn che, lấy làm vui vẻ bèn tỉnh dậy. Sau đó lại đi tiếp. Lúc này Pháp sư hai mươi chín tuổi.

Bấy giờ, có vị tăng Hiếu Đạt ở Tần Xuyên, đến kinh đô học xong bèn trở về quê, Pháp sư cũng cùng đi theo, lần lượt đến Qua Châu, hỏi thăm đường đến Tây Vực tốt xấu thế nào? Ai cũng nói ở đó toàn là cát, chứ không có đường đi. Sư cùng với nhiều người đi đường kết thành bạn lữ, xem phân trâu, ngựa và xương cốt để làm dấu. Khi gió lớn thì cát bay lên nên hài cốt cũng bị lấp bằng. Thường có gió nổi lên tạo ra các loại ly mị yêu quái. Đi về hướng Đông tây hơn tám trăm dặm lý muốn đi một mình nhưng không thể đi được, nên rất muộn phiền không biết tính sao? Bèn lễ Phật cầu nguyện. Nguyện có một người cùng đưa qua cửa ải. Tức là Ngọc môn Quan.

Ở phía Tây cửa ải này khoảng một trăm dặm có một đồn canh, dưới đồn canh có nước. Có tất cả năm đồn canh, ngoài năm đồn canh không còn lính tuần canh, đều là sa mạc mênh mông. Lại gặp và hỏi thăm một người Hồ, người này hứa sẽ đưa qua ải. Đến khi đi lại có ý thoái lui. Pháp sư cương quyết nên người này cũng đi theo. Đêm đến tới được bờ sông cách cửa ải khoảng hơn mười dặm. Ở trên thượng nguồn có cây Ngô Đồng. Người Hồ liền chặt cây để làm cầu, trái cỏ lấp cát để cưỡi ngựa đi. Khi qua được bên kia sông trong tâm ngài Huyền Trang rất vui mừng. Mỗi người đều trái đem ra nằm nghỉ. Nửa đêm người Hồ thức dậy cầm dao đi tới muốn giết hại Pháp sư. Pháp sư cũng đã ngồi dậy niệm Phật, tụng kinh, người Hồ thấy vậy bèn trở lại chỗ ngồi. Một lúc, lại đứng dậy đi đến chỗ Pháp sư nói rằng: Theo pháp quốc gia, nếu riêng đối với người ngoại quốc thì tội danh rất nặng. Con đường của

năm đồn canh đối với trước, ai đi qua chắc chắn bị tội chết chứ không thoát được. Nếu chỉ một chỗ bị bắt lại thôi cũng là bị giết. Đệ tử cũng có gia đình, làm sao có thể đưa Ngài đi. Pháp sư không thể tránh được. Xin cùng thầy trở lại.

Pháp sư bảo rằng: Huyền Trang này chỉ có thể đi về hướng Tây mà chết, thầy không trở lại hướng Đông mà được sống. Nay ông không đi được thì cứ trở lại, Trang sẽ đi một mình.

Người Hồ nói: Thầy phải theo tôi trở lại, nếu không khó tránh được tội. Pháp sư vì đã có lời trọng nguyện, giả như thân có nát ra tro bụi cũng không thể trở lại. Ngài liền đưa tay chỉ trời đất, trăng sao mà phát thệ. Người Hồ từ biệt quay trở lại, Pháp sư cùng ngựa tiếp tục đi tới. Khi trời tối, đến một đồn canh bèn múc nước cho ngựa uống. Bỗng chốc có cung tên bắn tới, có mấy mũi suýt trúng vào đầu gối. Ngài biết mình đã bị phát giác, vội vàng đi nhanh lên. Trên ngọn tháp canh có một người cầm lửa hỏi rằng:

- Ông là ai, định đi đâu?

Ngài liền cởi mũ để bày pháp phục ra rồi nói rằng:

- Tôi từ kinh đô đến. Muốn cầu pháp ở nước Ba-la-môn.

Người ở tháp canh đưa Ngài đến chỗ quan Hiệu úy. Quan Hiệu úy hỏi rõ các việc. Pháp sư trình bày lại tất cả. Mỗi lời nói đều rơi lệ. Vị Quan cũng động lòng mà rơi lệ theo, rồi nói.

- Thầy có thể vượt qua các tháp canh mà đi. Nếu được như sở nguyện, cũng là lợi ích cho nước nhà. Hôm nay nên nghỉ lại đây.

Thế là sắp đặt cho Ngài nghỉ lại. Sáng dậy thì làm cơm thiết đãi. Lại cúng dường lương khô vật dụng, Quan đưa tiền hơn mười dặm rồi nói:

- Thầy cẩn thận qua các tháp canh. Qua khỏi tháp canh thứ năm có dòng suối Dã Mã, có thể lấy nước để đi. Pháp sư khi qua tháp thứ năm thì gặp gió cát rất dữ dội, không biết suối chỗ nào. Trời tối thì dừng bên dòng suối cát. Bước xuống chỗ nước muốn uống, thì tay dãi trên yên ngựa đều rớt xuống. Ngài đưa tay đỡ lấy một ít lương khô, còn các vật khác đều bị cuốn mất hết. Tư lương, vật dụng đi cả ngàn dặm giờ đây đều bị mất cả. Sự buồn phiền cũng không sao nói được. Sau canh ba rồi lại đi nữa, nhưng không biết đường, duy chỉ nhìn sao trời và mặt trăng ở hướng Tây bắc mà đi tới. Đến đúng Ngọ ngày hôm sau, Ngài rất khát nước. Tuy còn một ít bột gạo nhưng khô không thể ăn được. Như thế trải qua bốn đêm năm ngày không có giọt nước thấm môi, người và ngựa đều rất khốn khổ không thể nào để đi tiếp được, Ngài liền nằm trên

cát, chỉ niệm thầm Quán Âm chứ không niệm ra tiếng được, hơi thở gần như muốn dứt. Đến đêm thứ năm, bỗng nhiên có ngọn gió mát thổi đến, sáng khoái vô cùng. Cơ thể hồi phục tỉnh lại. Ngựa cũng khỏe mạnh có thể đi tiếp, sư lại cương quyết đi được hơn hai mươi dặm nữa. Rồi cũng nằm xuống không thể nào đi tiếp. Đêm đó nằm mộng thấy một vị thần cao lớn bảo rằng. Đã cương quyết mạnh mẽ đi tới. Vì sao lại nằm ở đây, thế là trở dậy đi tiếp, con ngựa bỗng nhiên lại đi sang hướng khác, bắt quay trở lại nhưng không được. Đi khoảng hơn mười dặm thì gặp một cái ao, nước trong xanh mát mẻ, Ngài rất vui mừng liền bước xuống lấy nước cho ngựa uống, tự mình thì tắm rửa. Rồi lại lấy gạo bột cho ngựa ăn. Ở gần bờ ao cũng có cỏ xanh. Gần sáng thì người ngựa đều được ăn uống khỏe khoắn, lại đi thêm một ngày một đêm, khi nước sắp hết Ngài lại lấy nước đây và cũng tiếp tục đi. Trải qua ba ngày mới đến nước Y-ngô. Ở hướng Bắc có sa mạc cũng lại gặp yêu mị, có ngày gặp khốn khổ gian nan vô cùng, qua được nạn rồi thì Ngài liền ghi lại sự việc. Khi đến nước Y-ngô, gặp được sứ giả nước Cao-xương, vị kia trở về cung tâu với vua có Pháp sư đến. Vua rất vui mừng. Sai người đem ngựa đi đón rước. Sư đến được nước Cao-xương, gặp nhau thì vừa mừng vừa vui. Vua muốn giữ Pháp sư lại. Nhưng Ngài nhất quyết đi về Tây Vực. Vua không cho phép, Pháp sư bèn nhịn đói tới bốn ngày, vì ý chí quá mạnh nên làm cảm động vua, nên vua mới cho đi. Mẹ của vua lại nguyện xin làm mẹ con, vua cũng nguyện làm anh em, nếu bằng lòng sẽ Pháp sư đi, Pháp sư bèn hứa, vua vui mừng thỉnh Ngài giảng kinh Nhân Vương, cùng làm thầy độ cho bốn vị sa-di. May pháp phục đến mấy mươi bộ. Vua sai quan đem để trên yên ngựa, rồi tận lực đưa tiễn. Vua lại đưa hai mươi bốn phong thư cho vua các nước Độ-quyết, Khả-hàn v.v... đem gửi theo hơn năm trăm tấm lụa, lần lượt đưa hộ tống, trong thư vua nói:

“Pháp sư là em của ta. Nguyện xin vua Khả-hàn thương sư như thương ta, giúp đỡ cho đến nước Bà-la-môn thỉnh kinh”.

Sau đó lại từ biệt ra đi. Khi đi qua Nha Sở đưa Hộ Điệp ra. Nhận thư thì vua Khả-hàn rất vui mừng, sai người đưa tiễn đi. Cuối cùng đến nước Ca-thấp-di-la (Cựu dịch là nước Kế-tân) cũng đều nhờ uy lực của vua Khả-hàn và vua nước Cao-xương. Trong khoảng thời gian đó trải qua nhiều núi rừng, núi tuyết biển nóng cửa sắt, nguy hiểm muôn phần. Lại gặp vua các nước cung kính đón rước không thể nói hết. Nước Ca-thấp-di-la, có vị Đại đức tên là Tăng Thắng giỏi về kinh luận. Pháp sư liền xin theo học chánh lý của luận Câu-xá và nhân minh, Thanh minh v.v... Kế đến học Đại Tỳ-bà-sa. Quốc vương của nước này thương

Ngài ra sức học tập mà không có kinh bản, bèn cấp cho mười người làm người ghi chép, để sai việc sao chép và làm các việc khác. Ngài có cần gì thì đều cung cấp đủ. Học xong rồi lại đi về hướng Đông nam, đến nước Trách-già, đồng bạn môn đồ đi theo có hơn hai mươi người, cùng qua sông Chiên-đà-la-bà-già. Đi về phía Đông thì đến rừng Bà-la-xà thì gặp cướp. Những đồ y thực mang theo đều bị cướp sạch. Khi đi đến một ngôi làng thì mọi người cùng đi theo lại có được y phục. Lần lượt đi về phía Đông của nước Trách-già, ở đây có rừng Am-la, trong rừng có vị Bà-la-môn bảy trăm tuổi, nhưng vừa xem qua diện mạo chỉ cho là chừng ba mươi tuổi. Vị này rất thông hiểu Trung luận và Bách luận cùng Phệ-đà thư, lại nói là đệ tử của Pháp sư Long Mãnh. Ngài cũng dừng lại một tháng để học Bách luận. Lại đi về hướng Đông đến nước Na-bộc-để có Pháp sư Điều Phục, học các bộ luận “Đối pháp Hiển Tông Ly môn” v.v.... Lại đi về phía Đông đến chùa Na-già-la v.v... gặp Pháp sư Tào Nguyệt học “Chúng Sự Phần Tỳ-bà-sa”.

Lại đến nước Lộc-lặc-na, gặp Đại đức Xà-na-cúc-đa học kinh Bộ Tỳ-bà-sa Tát-bà-đa Biện Chân Luận, lần lượt đi đến nước Kiếp-tỳ-đà, lễ bái Thánh tích nơi ngày xưa, Phật đến cung trời Đao-lợi vì muốn báo ân mẹ, nên trong một mùa hạ nói pháp xong. Lại xuống nhân gian nói pháp cho đại chúng. Lại đến nước Nhược-cúc-xà gặp Tam Tạng Tỳ-tà-tê-na học sử Phật Tỳ-bà-sa, Nhật Trụ Tỳ-bà-sa. Từ đây đi về hướng Đông nam đến nước A-thâu-đà, lễ Thánh tích xong, đi đến sông Căng-già ở phía Đông. Hơn tám mươi người cùng xuống thuyền, muốn đến nước A-a-bang-mục-khư, ở hai bên bờ sông đều là rừng A-thâu-già, cây cối rất rậm rạp xanh tốt. Bỗng nhiên có hơn mười chiếc thuyền cướp đang khua chèo đi ngược dòng nước, một lúc thì trở tới. Mọi người trên thuyền sợ hãi, có vài người nhảy xuống sông. Bọn giặc đưa thuyền vào bờ bảo mọi người cởi áo ra để tìm kiếm châu báu. Bọn giặc này trước có thờ Đột Gia Thiên Thần mỗi năm đến mùa Thu thì tìm một người, có hình tướng khôi ngô xinh đẹp để giết rồi lấy máu, để cúng tế thần cầu phước báu. Thấy Pháp sư thân tướng khôi ngô thì rất vui lòng. Thế là bọn giặc sai người lấy nước, vào trong rừng hoa, trộn bùn với đất làm đàn, rồi kéo Pháp sư lên đàn, sai vài người cầm đao đứng hầu. Vừa muốn đưa đao lên thì Pháp sư bảo rằng:

- Tôi từ xa đến cầu pháp có nhiều điều chưa học hết, nên lòng chưa toại nguyện, nếu đàn-việt giết đi thì sợ rằng không có phước.

Bọn giặc không chịu nghe. Pháp sư biết là không tránh được. Nên nói với họ:

- Xin đợi một chút, xin đừng bức não, để cho tôi giữ chánh niệm, cũng là ân trách của đàn-việt.

Thế là Ngài chuyên tâm hướng về tầng trời Đổ-sử-đa nơi Bồ-tát Từ Thị đang ngự. Trong tâm tưởng lúc ấy thấy như bước lên núi Tô-mê-lô, vượt qua một, hai, ba tầng trời thì thấy cung Đổ-sử-đa. Bồ-tát Từ Thị ngự trên Đài Diệu Bảo. Bồ-tát đang đi nhiều quanh nước. Lúc này thâm tâm Ngài rất vui mừng, không biết là đang ở trên đàn, cũng không nhớ có giặc, các đồng bạn cùng đi theo, cùng phát lên khóc lớn. Trong khoảnh khắc thì gió đen nổi lên bốn phía làm cây gãy cát bay, nước dưới sông dậy sóng, thuyền bè bị lật úp. Bọn giặc sợ hãi hỏi những người đồng bạn của Pháp sư rằng:

- Vị Pháp sư này từ nước nào đến, tên gọi là gì?

Đáp rằng:

- Vị này từ nước Trung Quốc đến, xin cầu pháp nơi đây. Các ông nếu giết chết, thì bị tội vô lượng. Vả lại, đã thấy hiện tượng gió sóng nổi lên. Đó chính là thiên thần nổi giận nên mau sám hối đi.

Bọn giặc kinh sợ nên bảo nhau tới lễ tạ và sám hối, cúi đầu xin quy y. Lúc này ngài Huyền Trang cũng không biết, giặc lấy tay chạm vào người. Ngài mới mở mắt ra, hỏi họ rằng:

- Đến giờ chưa?

Bọn họ nói:

- Chúng con không dám hại thầy, nguyện xin sám hối.

Pháp sư nhận lễ tạ của họ lại nói pháp rộng rãi, khiến cho mọi người phát tâm. Bọn giặc lần lượt được khuyến cáo, thấu hết khí cụ mà ném xuống sông, rồi đem y phục của cải trả lại cho bốn chủ.

Tất cả mọi người đều thọ năm giới, trời đất yên tịnh, không còn sóng gió. Bọn giặc rất vui mừng, đánh lễ rồi từ biệt. Đồng bạn của Ngài càng thêm tôn kính, khen ngợi truyền nói những điều khác thường nên khắp xa gần đều biết tiếng, không ai không lấy làm lạ.

Từ đó, Ngài trải qua nhiều nước. Khi đi về hướng Đông bắc đến nước Thất-la-phạt-tát-để, xưa dịch Xá-vệ là lằm. Thánh tích ở đây rất nhiều, Ngài đều lễ kính. Lại đến thành Phệ-xá-ly, thấy ngôi nhà của Duy-ma-cật, cùng chỗ Phật hứa với Ma vương vào Niết-bàn, Ngài đều đến lễ bái. Từ đây lại đến nước Ma-yết-đa. Ở đây thánh tích cũng rất nhiều. Pháp sư dừng chân bảy ngày, lễ bái cùng khắp. Từ đây đi về hướng Đông nam, hơn bốn trăm dặm, đến chỗ cây Bồ-đề. chỗ này chu vi khoảng ba mươi dặm, thánh tích khắp nơi, Pháp sư ở lại tám, chín ngày để lễ bái. Đến ngày thứ mười, chư Tăng ở chùa sai bốn mươi vị

Đại đức đến đón ngài Huyền Trang đến chùa. Lúc này Ngài nghỉ đêm trong làng vốn là ngôi làng của ngài Mục-liên trước kia.

Sáng ngày, sau khi thọ thực xong, lại có hơn hai trăm vị tăng và một ngàn đàn-việt, đem cờ lọng và hoa hương đến đón rước đưa Ngài về chùa Na-lan-đà.

Khi Ngài đến thì cả chúng đều nhóm họp đầy đủ, Pháp sư cùng đại chúng ngồi xuống, khiến vị duy-na xướng lên là Pháp sư đã đến chùa. Trong chùa Ngài cũng được thọ dụng các vật sở hữu như chúng, khi chúng gặp nhau xong rồi, thì sai hai mươi vị có đức hạnh, đưa Pháp sư đến tham vấn ngài Chánh Pháp Tạng, tức là Pháp sư Giới Hiền. Vị này học rộng nhớ dai. Tất cả kinh sách của Phật và ngoại đạo đều thông suốt. Lại là bậc lão túc tối thượng. Năm đó Ngài đã một trăm sáu mươi tuổi, đại chúng đều tôn trọng nên không gọi tên, mà gọi là Chánh Pháp Tạng. Pháp sư liền vào ra mắt Ngài, khi đánh lễ khen ngợi xong rồi, Chánh Pháp Tạng bảo Pháp sư và đại chúng ngồi. Rồi hỏi Pháp sư từ nước nào đến? Đáp rằng từ nước Trung Quốc đến, muốn đến chỗ thầy học Du-già và các kinh luận. Ngài Giới Hiền nghe xong rồi liền gọi đệ tử Giác Hiền bảo nói cho Pháp sư biết nhân duyên ba năm bị bệnh não loạn về trước. Ngài Giác Hiền thưa với Pháp sư:

- Cách nay ba năm Hòa thượng bị bệnh, tứ chi đều nguy cấp, bị bệnh như lửa thiêu dao cắt, trong tâm chán ghét thân này muốn không ăn uống để đi. Vào một đêm nằm mộng thấy một vị trời thân màu vàng ròng nói với Hòa thượng:

- Ngài chớ nhàm chán thân này. Thân chính là pháp khí, tu tập rất khó được. Đời trước ông là vua, vì làm não loạn chúng sanh, nên với lấy khổ này, phải nên sám hối tự trách, lễ tụng hành đạo, rộng truyền chánh pháp thì nghiệp lụy mới tiêu trừ. Còn như muốn không ăn để xả bỏ thân này thì không thể được. Chết rồi cũng thọ thân, trở lại chịu khổ nữa. Giống như bánh xe xoay chuyển không dứt ba năm sau sẽ có vị Pháp sư từ Trung Quốc sẽ tìm đến đây học các kinh luận. Hiện nay đang trên đường đi đến, Ngài nên đợi, vì Pháp sư ấy giảng nói trao truyền giáo pháp. Khi vị ấy đắc pháp rồi sẽ lưu thông, truyền bá khắp nơi, nhờ công đức này mà tội của Ngài sẽ tự diệt. Ta là Mạn-thù-thất-lợi vì lòng thương xót cho nên đến bảo với Ngài, nếu y theo lời ta nói, thì từ nay về sau, những nạn khổ cũng sẽ tiêu trừ.

Nói xong liền biến mất, từ đó đến nay, Hòa thượng cũng dần được an ổn.

Ngài Chánh Pháp Tạng lại hỏi: Ông trên đường đi đến đây đã bao

lâu?

Đáp: Đã gần bốn năm.

Thấy giống với giấc mộng của Hòa thượng, nên càng tin tưởng, Pháp sư nghe rõ lời nói này thì vừa buồn vừa vui không thể kiềm chế được, liền đứng dậy lễ tạ ân, nói ý của mình xong, từ tạ rồi lui ra. Đại chúng sắp đặt cho Pháp sư ở trong viện Ấu Nhật Vương.

Sau bảy ngày cúng dường, Ngài trở lại ở trên thượng phòng của tầng thứ tư. Chư Tăng cung cấp vật dụng thêm, trong một ngày thì đem tới một trăm hai mươi cây la-diệp, hai mươi cây tân lang, hai mươi cây đậu khấu, một lượng long hương, một thăng gạo cung đại nhân và các loại sữa dầu, nhũ lạc, đường phèn.... Tất cả đều lo liệu trong một ngày, số người dùng không hết. Lại cung cấp một vị tịnh nhân Bà-la-môn, ra ngoài thì đi xe voi có hai mươi người theo hầu, miễn tất cả việc tăng, gạo cung đại nhân là loại gạo hạt lớn như đậu đen, khi nấu thành cơm rồi thì mùi thơm bay xa hơn một trăm bộ. Chỉ có ở nước Ma-yết-đà, các xứ khác đều không có. Loại này trồng rất ít chỉ có vua chúa, và các bậc Đại đức rộng biết pháp mới được dùng. Người khác đều không được nên gọi là “gạo cung đại nhân”. Khi ngài Huyền Trang đi đến các nước khác được kính trọng, đến đâu đều được như vậy. Pháp sư được an trí xong rồi liền đi về hướng về thành Vương-xá chiêm lễ Thánh tích, mấy ngày mới xong. Khi trở về Na-lan-đà, thỉnh Pháp sư Giới Hiền giảng luận Du-già. Thỉnh giả cùng nghe có đến mấy ngàn người. Cứ như thế Ngài nghe Du-già ba lần, thuận chánh lý một lần, hai bộ Trung luận và Bách luận mỗi bộ ba lần và các bộ “Câu-xá”, “Bà-xá”, “Lục Túc A-tỳ-đàm” v.v.... Lúc ở nước Ca-thấp-di-la và các nước khác đã nghe rồi, nay chỉ tìm đọc lại các quyết nghi mà thôi.

Trải qua năm năm như thế, bất luận ngày đêm, khi Ngài nghe xong lại đi đến nước Bạt-lạn-noa-phạt-đa, tìm lễ các Thánh tích. Có một ngọn Cô Sơn, rất xinh đẹp. Trong núi có ngôi tinh xá, bên trong có tượng bằng Bồ-tát Quán Tự Tại bằng cây tử đàn, có nhiều sự linh nghiệm. Nếu ai có nguyện điều gì, dốc lòng đều được như ý.

Người giữ ngôi tinh xá này vì sợ bụi cát, nên làm lan can tường cách mặt ngoài mỗi bên mười bộ. Người có đến tán hoa thỉnh nguyện, đều phải đứng ở ngoài lan can này chứ không được vào. Pháp sư có tâm cung kính muốn đến đó để cầu thỉnh, Ngài mua các loại hoa, khâu lại thành tràng, đem đến cúng dường tượng, chí thành đảnh lễ xong rồi hướng về Bồ-tát phát ba lời nguyện .

Sau khi học xong ở đây bình an trở về bốn quốc, xin cho hoa dính

vào tay Ngài.

Nguyện đem phước đức tu trì đời này sanh về cung trời Đổ-sử-đa, được kính thờ Bồ-tát Từ Thị. Nếu được như nguyện, thì hoa này treo vào hai cánh tay Ngài.

Thánh giáo xưng tụng ở trong cõi chúng sanh, có một phần không có Phật tánh. Vậy Phật tánh đó, hôm nay con tự thắc mắc, không biết có hay không? Nếu có Phật tánh, người tu hành sẽ được thành tựu. Thì xin cho hoa này quàng trên đỉnh Ngài.

Cầu xin xong rồi thì rải tán ba tràng hoa từ xa, thấy đều được như ý nguyện. Sở cầu đã mãn, lòng Ngài vui mừng vô lượng những người đứng bên cạnh thấy vậy cũng tôn kính, rồi cùng kết nhân duyên.

Từ đây, Ngài đi khắp các nước, đến vùng Nam Hải, xét tìm các thánh tích, tham vấn thiện hữu, tri thức. Lại đến nước Bát-phật-đa có một số Đại đức, học nghiệp đáng noi theo, do đó bèn dừng lại hai năm để học các bộ, căn bản A-tỳ-đạt-ma, và luận Nhiếp chánh thập, luận Giáo thật, v.v... thuộc Chánh lượng bộ.

Sau đó trở về chùa Na-lan-đà tham lễ ngài Chánh Pháp Tạng, sau đó lại đến núi Trượng Lâm là chỗ của cư sĩ Thắng Quân Luận sư. Luận sư thuộc dòng Sát-đế-lợi. Tuổi nhỏ mà thông hết kinh sách trong ngoài, năm minh số thuật không có gì mà không xem kỹ, thường nương ở núi Trượng, dạy dỗ đồ chúng, giảng nói kinh Phật. Đạo tục xa gần đến nghe mỗi ngày đến mấy trăm người. Các vị vua chúa cũng thường đến lễ bái, rửa chân cúng dường, được phong thưởng thành ấp. Người đương thời gọi là bộ di, Hán dịch là thực ấp. Pháp sư theo học luận Duy thức quyết trạch, luận Ý nghĩa lý thành vô úy, luận Bất trụ Niết-bàn, luận Thập nhị nhân duyên, luận Trang nghiêm kinh. Và nghe các luận Du-già, Nhân minh xong. Vào một đêm nằm mộng thấy chùa Na-lan-đà, phòng viện đều hoang phế, chỉ thấy vài con trâu qua lại, không có bóng dáng chư Tăng. Pháp sư từ cửa phía Tây đi vào viện Ấu Nhật Vương, thấy trên lầu cao ở tầng thứ bốn có một người vàng, thân tướng xinh đẹp trang nghiêm, ánh sáng chiếu khắp hư không. Từ xa chỉ ra ngoài chùa nói với Pháp sư rằng: Thầy xem ở ngoài kia kìa.

Pháp sư liền nhìn ra ngoài, thấy thôn xóm ao ngòi rừng cây đều bị lửa đốt thành tro bụi cả.

Người vàng bảo rằng: Nay ông có thể sớm quay về. Chỗ này hơn mười năm sau, khi vua Giới Nhật băng hà, toàn cõi Ấn Độ đều hoang phế loạn lạc. Bọn người ác sẽ giết hại lẫn nhau, sẽ như chỗ này, ông nên biết điều đó. Nói xong liền biến mất. Pháp sư tỉnh dậy rất kinh ngạc

than thở, kể lại điều đó cho ngài Thắng Quân nghe.

Ngài Thắng Quân đáp: Ba cõi không an có thể biết như vậy. Bậc Thánh đã rủ lòng dạy bảo, không thể không y lời, những việc Pháp sư làm đều có Bồ-tát che chở, giúp đỡ.

Ngài đến xứ Ấn Độ, bảo mọi người biết, nhưng bị tiếp đãi giữ lại mãi. Ngài mới khuyến hóa về sự vô thường để trở về. Nếu việc làm không khế hợp với Thánh tâm, ai có thể hưởng lộc này mãi mãi.

Sau đó vua Giới Nhật quả nhiên băng, khắp nước Ấn Độ loạn lạc đói khổ như lời đã nói trước. Quốc gia sai người thi hành các việc đập phá chùa chiền như trong giấc mộng. Pháp sư ở tại chùa Na-lan-đà cùng với các vị Đại Đức lập ra tông Trung bách luận, bác bỏ các nghĩa của Du-già. Đem pháp ngữ của bậc Thánh làm luận, không bao giờ sai trái, chỉ vì người học không thông đó thôi, nhân đó soạn ra luận Hội tông, có ba ngàn bài tụng, Pháp sư Giới Hiền và tăng chúng thấy liền khen ngợi, cho là đáng được lưu hành.

Trước có Thầy của vua Quán Đảnh ở Nam Ấn Độ tên là Bát-nhã-cúc-đa làm sáng tỏ nghĩa của Chánh lượng bộ, bác bỏ bảy trăm bài tụng của luận Phá Đại thừa. Bấy giờ, vua Giới Nhật nhân đi đánh dẹp các nước có ngang qua nước Ô-trà, có cái Luận sư Tiểu thừa, rất bảo trọng luận này, lấy đó để chỉ bày cho vua, và thỉnh tranh luận với Đại thừa. Vua bằng lòng.

Thế là họ viết thư cho chùa Na-lan-đà thỉnh bốn vị Đại đức giỏi về các tông Đại, Tiểu thừa và các kinh sách của ngoại đạo đến đó để cùng tranh biện.

Ngài Chánh Giác Tạng bèn sai bốn vị: Hải Tuệ, Trí Giác, Sư Tử Quang và Pháp sư theo lệnh vua mà đến. Lại có ngoại đạo Thuận Thế cũng đến xin tranh luận, viết bốn mươi điều nghĩa treo ngoài cửa chùa. Pháp sư liền sai người ra gỡ và lập luận, kêu ngoại đạo cùng luận biện. Thấm xét vua lại ba, bốn lần, Bà-la-môn không điểm nào nói được. Trước có giao ước, nếu thua sẽ chặt đầu tạ lỗi. Ngoại đạo xin y theo lời giao kết.

Pháp sư nói: Ta là Sa-môn họ Thích, còn không làm tổn hại đến loài côn trùng, huống là giết người sao?

Ngoại đạo rất vui mừng: Xin trọn đời làm người hầu. Người nghe ai cũng khen ngợi vui mừng, đều đến nước Ô-trà, để tham hỏi tìm hiểu những chỗ còn nghi đối với luận này, Pháp sư hỏi vị Bà-la-môn vừa bị hàng phục rằng:

- Ông có hiểu được nghĩa này không?

Đáp: Có hiểu, tôi gặp duyên lành đã từng nghe qua một lần, bèn hiểu hết ý chỉ.

Ngài bèn tìm những lỗi để dẫn nghĩa Đại thừa ra phá. Làm một ngàn sáu trăm (1600) bài tụng, đặt tên là “luận Chế ác kiến”. Ngài đem trình cho Đại sư Giới Hiền và đại chúng, thấy đều khen ngợi nói rằng:

- Lý này đạt đến chỗ cùng cực, làm sao có thể bẻ được. Pháp sư khéo làm được tông yếu này mới hàng phục Bà-la-môn. Tùy theo kiến giải của họ mà lập, ngoại đạo rất vui vẻ từ giã ra về. Ngoại đạo đi đến phía Đông Ấn Độ, nói về đức độ của Pháp sư cho vua Câu-thi-la nghe, vua nghe rất vui, sai sứ đi cầu thỉnh. Sứ vua đến thỉnh tới ba lần Ngài mới đi.

Khi ấy, Ngài muốn trở về nên mới sửa soạn mọi thứ, các Đại đức và đồ chúng đều khuyên Ngài ở lại. Sư nghĩ nay kinh luận này vẫn còn thiếu, bốn ý muốn lấy để truyền bá. Khi trình bày ý của mình. Quả nhiên không được cho phép.

Thế là Ngài bèn từ biệt, đem theo kinh tượng đến chỗ vua Câu-ma-la. Nước này từ trước đến nay không thực hành Phật pháp, phần nhiều chỉ tin theo ngoại đạo Bà-la-môn giáo, khi Pháp sư đến đây thì họ xin với vua cho luận biện để chứng nghiệm việc thắng thua. Pháp sư bèn dùng lời biện luận khéo léo, khai mở cho tà đạo, để họ thấy được sự tà mị, vua lại càng thêm kính trọng.

Vua thỉnh vấn rằng: Xin chỉ bày nguyên do công đức của các Đức Phật? Pháp sư vì vua mà thuật lời khen ngợi ba thân của Như lai làm lợi lạc chúng sanh, nhân đó mà tạo ra bài luận về ba thân có ba trăm bài kệ. Vua nghe qua vui mừng chưa từng có liền đánh lễ thọ trì.

Vua Giới Nhật nghe Pháp sư ở nước Câu-ma-la thì ngạc nhiên nói:

- Ta thường thỉnh mà không đến. Cớ sao lại đến đó?

Liền sai sứ đến nói với vua Câu-ma-la đưa Pháp sư Trung Quốc đến đây.

Vua biết vua Giới Nhật rất kính luyến, bèn ra lệnh sửa soạn hai muôn xe voi và ba muôn chiếc thuyền đưa Pháp sư đến nước kia.

Vua Giới Nhật trông thấy Pháp sư liền đánh lễ Ngài và rải hoa cúng dường, khen ngợi xong bèn thưa rằng. đệ tử trước có thỉnh Pháp sư. Vì sao Ngài không đến?

Pháp sư đáp: Lúc vua thỉnh thì đang thọ học pháp chưa xong, nên không đến tham kiến vua được.

Vua hỏi: Thầy từ nước Trung Quốc đến nước kia, vua nước ấy có

khúc ca múa Tần Vương phá trần lạc, Tần Vương là ai? Lại có công đức gì mà được ca vịnh như thế.

Pháp sư bảo: Tần Vương là thiên tử hiện nay của nước Trung Quốc. Bốn quốc thấy quốc vương có Thánh đức, có khả năng trừ hung diệt bạo, che chở cho chúng sanh, nên ca vịnh Ngài.

Tần Vương là bậc Đại thánh. Vì trăm họ bỏ loạn làm chánh, nên muốn trừ an vũ trụ, chiếu sáng ba quang, sáu hợp mang ân, nên có khúc ca vịnh này. Vua nói: Bậc Thánh như thế, cho nên trời mới sai làm chủ muôn vật.

Sau đó, vua mời Pháp sư vào cung, bày các thứ cúng dường.

Vua nói: Nghe nói Pháp sư soạn “luận Chế ác kiến” nay ở đâu?

Pháp sư đáp: Ở tại đây.

Vua nghe vậy rất vui, nói với các môn sư v.v... rằng: Đệ tử nghe nói ánh mặt trời xuất hiện, áy mất ánh sáng của đom đóm. Các vị kia đem tông bảo của mình ra mà nói, đều bị Pháp sư phá hết, mà chư Tăng Tiểu thừa không dám nói lại.

Vua nói: Thầy lý luận rất hay, các sư tại đây thấy đều tin phục, nhưng sợ rằng ngoại đạo Tiểu thừa ở các nước khác, vẫn còn giữ ngu mê. Ở Trung Ấn Độ có thành khúc nữ, vì Pháp sư mà tổ chức pháp hội, ra lệnh cho Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo trong toàn cõi Ấn Độ mở bày Đại thừa, khiến cho mọi người bỏ tà về chánh, như thế không lớn lao sao?

Trong một ngày phát lệnh, các nơi lại nhóm họp ở thành khúc nữ để xem Pháp sư Trung Quốc luận biện. Từ đầu mùa Đông đến tháng một, mới tới hội trường. Các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo, v.v... ở bốn phương đều kéo đến nghe áo nghĩa sâu xa, có đến mấy ngàn người. Vua trước đã cho xây dựng điện phòng có sức chứa hơn một ngàn người, bên trong có đặt tượng Phật, bày các loại hương hoa âm nhạc, thiết bày trai phạn, cúng dường xong thì thỉnh Pháp sư thăng tòa, nêu cao luận tông để cho mọi người luận phá. Trong mười tám ngày không ai dám hỏi gì. Vua khen ngợi, cúng dường Pháp sư ba muôn đồng tiền bạc, một muôn đồng tiền vàng cùng một trăm chiếu y bằng da.

Lại sai đại thần đem ca sa cho Pháp sư. Rồi cáo thị cho khắp nơi rằng:

- Pháp sư người Trung Quốc luận biện được thắng. Đến ngày thứ mười tám không ai dám hỏi gì, mọi người nên biết điều đó.

Mọi người rất vui mừng, vì Pháp sư mà đặt các danh hiệu tốt đẹp. Chúng Đại thừa thì đặt hiệu là Ma-ha-na-na-đề-bà, Hán dịch là Đại

chúng thiên. Tiểu thừa thì đặt hiệu là Mộc-xoa-đề-bà, Hán dịch là Giải thoát thiên. Các vị đốt hương rải hoa, lễ kính rồi ra về. Từ đây tiếng khen công đức vang khắp xa gần. Khi pháp hội xong, sư muốn trở về, vua giữ lại, lại xem hội đại thí bảy mươi lăm ngày, xem xong rồi từ biệt ra về. Vua ban cho một con voi lớn và vô số vàng bạc, Pháp sư chỉ nhận voi, chứ không nhận tiền. Vua Giới Nhật và vua Câu-ma-la cùng mười tám đại quốc vương đều rời lệ từ biệt.

Pháp sư Huyền Trang đi theo hướng Bắc trở về, trải qua đủ các gian nan nguy hiểm, vượt qua núi Tuyết, Thông Lãnh, v.v.... Trải qua hơn ba mươi nước, rồi đến nước Vu-điền, dâng biểu thỉnh trình lên vua Vu-điền xin cung cấp ngựa xe. Đến Đôn Hoàng vào niên hiệu Trinh Quán thứ mười chín. Vào đầu mùa Xuân thì đến Trường An. Lúc ở Tây Vực thỉnh bảy pho tượng chuyển pháp luân. Sáu trăm năm mươi bảy bộ kinh luận, một trăm năm mươi hạt xá-lợi thân Phật. Hai mươi lăm ngày hộ tống kinh tượng, đến Hoàng Phước xong, thì vào ra mắt vua ở Lạc Dương. Ngày mùng một tháng ba vâng sắc trở về kinh đô, đến chùa Hoàng Phước phiên dịch và viết Tây Vực ký. Đến ngày mười ba tháng bảy vào mùa Thu niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi tiến đến dịch kinh mới và thỉnh vua viết lời tựa và dâng Tây Vực ký. Mong thần bút báo ứng thành kinh sách, thật là tốt đẹp. Trong sắc thứ nói rằng: Pháp sư túc duyên cao hạnh, sớm ra khỏi trần gia, vượt thuyền báu để lên bờ giác, tìm diệu đạo mà mở ra pháp môn. Mở mang đại đạo, rửa sạch các tội, thế nên khi mây lành muốn quyện, che khắp bốn không, mặt trời trí tuệ sắp lặn, chiếu ánh sáng trong tám cực. Người mở ra ánh sáng đó chỉ có Pháp sư. Sự học của trăm nông cạn, tâm chưa thông suốt. Vì muôn vật còn mê, nên nghe Pháp sư càng dạy pháp sâu mầu thì công đức sâu dày khó đo lường. Nay thỉnh vua đặt tựa đề kinh, mình chẳng nghe biết được. Lại nói: Bản Tây Vực ký tân soạn phải tự trình bày cho rõ thêm, vua ban sắc tướng thưởng Pháp sư.

- Pháp sư Huyền Trang, lại dâng biểu từ tạ, đồng thời thỉnh viết thêm lời tựa.

Đến niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi hai, vua đến cung Ngọc Hoa, đến tháng sáu vua ban sắc mời Pháp sư đến, khi Pháp sư tới thì tiếp lễ rất trọng hậu và hỏi Pháp sư đã dịch kinh luận gì?

Pháp sư đáp: Gần đây dịch luận Du-già-sư-địa một trăm quyển.

Vua nói: Bộ luận này rất lớn. Vì sao khi bậc thánh soạn ra nghĩa lý lại rõ ràng như thế?

Đáp: Luận này do Đức Di-lặc nói ra, làm sáng tỏ ý nghĩa mười

bảy địa.

- Sao gọi là mười bảy địa.

Pháp sư đáp: Đó là tên để nêu lên ý chỉ lớn.

Vua rất vui. Sai sứ về kinh lấy luận, khi luận đem tới, vua coi xong càng vui mừng, nhân đó ban sắc cho quan Sở ty viết luận Tân dịch ra chín bản. Ban cho chín châu để theo thứ lớp truyền bá, Pháp sư lại thỉnh vua đặt tựa đề kinh. Đến ngày mừng bốn tháng tám năm đó viết lời tựa xong, có bảy trăm tám mươi lời.

Đề rằng: Đại Đường Tam Tạng Thánh Giáo tựa. Thông đạo tâm kinh ở điện Minh Nguyệt lệnh cho các bậc học sĩ ở Hoàng Văn Quán cùng thương nghị để viết lời tựa, còn bạn đồng liêu nên đọc tụng để cùng làm sáng tỏ nghĩa lý. Khi vua phán quyết cho trăm nhà đồng liêu, thì ai cũng vui mừng hơn hở.

Nay vua ở tại xuân cung, lại viết lời tựa soạn Tam Tạng Thánh Giáo xong, có năm trăm bảy mươi lời. Nhị Thánh viết hai lời văn tựa xong. Về sau, Pháp sư lại viết lời trần biểu tạ ơn nhuận sắc, vua bảo rằng: Trăm mượn lời khuê chương để tạm truyền đạt. Còn đối với nội điển có chỗ chưa thông, viết lời tựa này chỉ sợ ngòi bút đen làm xấu lời vàng ngọc, đem ngói gạch để vào rững châu, nhưng khi thấy có sách này cũng mạo muội viết lời khen ngợi, để cho mọi nơi cùng biết, mà được lợi ích lâu dài. Việc lành không đáng xưng tụng, công lao không đáng tạ ơn.

Pháp sư lại dâng biểu tạ ơn. Vua bèn viết lời nhuận sắc rằng:

- Tánh trầm không đọc kinh văn đầy đủ, lại không có tài trí, bỗng nhiên phải ghi lời đề tựa, sợ rằng làm bản văn kinh. Đủ thấy lời nói, chỉ là cuồng kiến tô sức thêm thẹn, dùng lời đẹp đẽ cũng chỉ vì lợi ích chân thật. Từ đây về sau, đạo tục khắp nơi đều vui mừng hơn hở, ca vịnh nối nhau, trong goài đều nêu, chưa từng thấu suốt mà vẫn đầy đủ sáu hợp. Mây từ lại che chở, mặt trời trí tuệ lại sáng soi. Mọi người quy y làm cho sóng tan, mây tạnh. Thượng câu hạ hóa, gió thổi thì đồng cỏ trống không. Nhân đó vua ban cho Ngài một y cà-sa bá nạp ma vân. Loại tuyệt diệu xưa nay, giá trị cả muôn lượng vàng. Lại ban sắc khắp các chùa quán trong nước, mỗi chùa độ năm người. Đến tháng mười mùa đông, vua trở về kinh, ở phía Bắc cửa cung có an trí viện hoàng pháp, ban sắc cho Pháp sư dời về đó phiên dịch, cung cấp năm mươi vị đệ tử. Nơi Hoàng Phước cũ, vẫn cung cấp mười vị đệ tử ở lại coi sóc giữ gìn. Đến niên hiệu Vĩnh Huy thứ hai (652) sư thỉnh vua xây dựng đài để giữ kinh bản Phạm, được vua ban sắc cung cấp vật liệu, xây dựng thành

tự.

Đến tháng sáu niên hiệu ?? thứ năm (655). Đón Pháp sư vào cung nội, Pháp sư đến ở trong điện Văn Đẳng, dịch các bộ luận như luận Phát trí, v.v.... Vài ngày sau, vua lại xuống chiếu nói rằng: Sư nay tuổi đã cao, ở chỗ này nhỏ hẹp, thân thể như thế nào?

Lại niên hiệu Hiến Khánh vua có ban sắc rằng: Vị tăng Huyền Trang ở chùa Đại Từ Ân, phiên dịch lại mới các kinh luận, phiên dịch văn nghĩa cần phải tinh tường. Nên khiến cho Thái tử, Thái phó, thượng thư Tả Bộc Xạ, Quốc công đều giúp đỡ. Trọng Thư bảo Kiểm Giáo với con quan Lại bộ Thượng thư khai quốc công thần ở huyện Nam Dương đến giúp. Con của khai quốc Lễ bộ Thượng thư huyện Cao Dương là Hứa Kính Tông, Huỳnh Môn Thị Lang cùng Kiểm Giáo với Thái Tử Tả Thứ Tư khai quốc ở huyện Ân Âm là Tát Nguyên Siêu. Thủ Trung Thư Thị Lang cùng Kiểm Giáo Thái Tử Hữu Thứ Tử là khai quốc Nam Lý Nghĩa phủ ở huyện Quảng Bình. Lúc xem duyệt lại, có chỗ nào chưa rõ thì tùy theo đó mà nhuận sắc lại. Nếu cần các vị học sĩ thì tùy theo số lượng mà cung cấp ba, bốn vị.

Pháp sư lại thỉnh xin đề bia văn chùa Đại Từ Ân, vua ban sắc cho phép, Pháp sư viết văn từ. Mọi người phần nhiều khen ngợi. Sau khi văn bia thành tự rồi, lại dâng biểu thỉnh viết văn thư Thần Hàn. Lại được vua cho phép. Sau khi viết xong, Pháp sư đánh dấu sự tôn vinh đối với Phật, bèn cùng với chư Tăng ở kinh thành, làm cờ lọng để đón rước. Vua ban sắc lại ra lệnh cho các vương công. Thái Thường chín châu Nhạc và hai huyện Âm Thanh đem hơn một ngàn xe trợ tống theo. Vua ở nơi cửa An Phước xem thấy ánh sáng rất rực rỡ khó mà thuật lại, vua lại dâng cho Pháp sư một tấm nạp y ma vân, cũng loại thượng diệu như trước.

Trong hai năm vua xa giá đến cung Lạc Dương, Pháp sư đến trước, được an trí ở cung Xưng Thúy, nơi điện Nhật Lệ trong đại nội phiên dịch luận Quán sở duyên duyên v.v... Lại dịch các bộ luận như luận Đại Tỳ-bà-sa, v.v... Ngài làm việc không thôi. Khi thì Ngài ở huyện xưa Cốc Thị, phía Tây bắc núi Thiếu Thất. Khi thì về phương Nam ở hang Phượng Hoàng, tại làng Khống Hạc thuộc Tiên Khanh, là đất sống của Pháp sư. Chùa Thiếu Thất ở phía Bắc núi Thiếu Thất là do vua Hiếu Văn lập nhà Ngụy xây dựng. Nơi đây có phong cảnh suối đồi rất đẹp, cũng là chỗ ngài Lưu-chi dịch kinh. Pháp sư ý nguyện muốn nương gá, đến tháng chín Ngài dâng biểu xin trụ chùa Thiếu Lâm, vì nước phiên dịch, xin bút thần báo thư, xét biểu chương, vua biết ý Ngài muốn về ẩn

chốn tông lâm yên tĩnh. Vua liền ban sắc nói:

“Trẫm công nghiệp không có học nhiều, sự nghiên cứu không cao sâu. Kiến thức cạn lại nghe qua chưa nhiều, chưa thấy được lẽ đạo. Pháp sư là rường cột trong ba cõi, dắt dẫn bốn loài sanh. Trí sáng, tâm soi, định thân, ý lặng, chẳng bị tình trần vướng bận, ngọn đèn trí thức làm kinh hải muôn loài. Bậc đạo đức có thể ở đây đâu cần phải tìm về chốn núi non. chỗ nào yên tĩnh vẫn có thể ở, há lại riêng mình tìm tịnh thất ở chốn núi sâu. Nay trẫm cấm không được nói đến nữa, vậy chớ có trần thỉnh. Ở chốn kinh đô mà vẫn đại ẩn thì cũng quý như bậc hiền sĩ thưở xưa. Mỏ mang sự thấy nghe được lợi ích, cũng là đáng trân trọng ở đời”. Vua đã không phê chuẩn, nên Ngài không dám thỉnh nữa.

Vào niên hiệu Hiển Khánh thứ ba vua ban sắc làm Hoàng Thái tử cho ở nơi nhà xưa của vua Hán, xây dựng chùa Tây Minh, cấp cho Pháp sư một thượng phòng, cho mười vị tăng mới xuất gia làm đệ tử Pháp sư, ở đây rất quý kinh Bát-nhã. Đời trước tuy đã có dịch, nhưng chưa đầy đủ, các vị Đại đức đều cung thỉnh, Ngài y theo đại bản mà dịch lại.

Nhưng Bát-nhã tổng số có hai mươi muôn bài kệ, thành sáu trăm quyển, Pháp sư ở tại kinh đô thì nhiều việc, e rằng khó mà hoàn thành được.

Thế là Ngài thỉnh lên ẩn cư trên núi. Lúc này vua mới chấp thuận. Ngài đến chùa Ngọc Hoa Cung phiên dịch, vua vẫn ban sắc cung cấp, nhất định ở tại kinh đô. Khi ấy là nhằm ngày mồng một tháng giêng niên hiệu Hiển Khánh thứ năm, Ngài bắt đầu dịch kinh Đại Bát-nhã. Đến niên hiệu Long Sóc thứ ba, ngày hai mươi ba tháng mười mới xong, tất cả gần sáu trăm quyển có bốn nơi và mười sáu hội thuyết. Trong khoảng thời gian đó lại phiên dịch Thành Duy thức luận, cùng với Biện trung biên luận, Duy thức nhị thập luận, phẩm loại túc luận v.v... Đến ngày hai mươi ba tháng mười một sai Khuy Cơ dâng biểu thỉnh Thánh thượng viết lời tựa kinh Đại Bát-nhã, đến ngày bảy tháng mười hai ở cung Bồng Lai lúc này các vị Thông sự xá nhân đều có tấu xin vua chứng nghĩa nên vua đã đồng ý. Pháp sư từ lâu vẫn thường nguyện sanh về cung trời Đâu-suất của Phật Di-lặc và du hành lên cõi Tây phương. Lại cũng nghe ngài Vô Trước và cả ba anh em cũng nguyện sanh về Đâu-sử-đa thiên cung, để phụng sự Di-lặc đều được như nguyện, và có chứng nghiệm. Nên Ngài càng nỗ lực cầu về cõi ấy. Từ lúc đến chùa Ngọc Hoa, mỗi lúc Ngài phiên dịch và lễ sám hăng phát nguyện sanh về Đâu-sử-đa thiên để ra mắt Phật Di-lặc. Ngoài lúc phiên dịch ra cả ngày lẫn đêm mỗi mỗi tâm niệm đều tương tục, không hề thối chí. Từ

sau lúc phiên dịch kinh Đại Bát-nhã xong, thì Ngài không còn dịch nữa, chỉ chuyên hành đạo lễ sám.

Đến ngày mồng một tháng giêng năm Tân Đức nguyên niên. Chư Tăng và đại chúng ở chùa Ngọc Hoa thỉnh Ngài phiên dịch kinh Đại Bảo Tích, nhưng Ngài từ chối rằng: Ta biết kinh này ở đất Hán Thổ chưa có duyên, nhưng nếu có dịch đi chẳng nữa cũng không xong. Vì đại chúng cứ thỉnh mãi nên Ngài không thể từ chối, Ngài nói: Cho dù có phiên dịch thì cũng không đủ năm bộ.

Ngài dịch được bốn bộ thì ngừng lại Ngài bảo với đệ tử và chúng tăng rằng: Các pháp hữu vô cũng sẽ trở thành ma diệt. Huyền chất bào ảnh, không thể trụ được lâu dài. Nay là năm Tân Đức nguyên niên ta đã gần sáu mươi ba tuổi rồi, chắc phải tịch diệt ở chùa Ngọc Hoa này. Đối với kinh luận có chỗ nào nghi, thì nên hỏi mau. Chớ để ngày sau phải hối tiếc. Đồ chúng nghe Ngài nói như vậy thì rất sợ hãi và than rằng: Hòa thượng tôn thể còn Khang kiện, tuổi lại chưa đến cổ lai hy, cố sao lại thốt nhiên nói lời này? Ngài nói: Việc này ta tự biết, các người chưa thấu hiểu đâu. Pháp sư lúc ấy, chẳng có gì là bệnh hoạn cả. Đồ chúng tỏ ra sanh nghi. Đến ngày ba tháng giêng. Pháp sư lại bảo môn nhân: Ta sợ vô thường đến nên muốn từ biệt Phật, Ngài liền cùng chúng đệ tử đến đó. Trước tiên Ngài đến chỗ tạo các tượng Phật, rồi Ngài lễ bái từ biệt chư Tăng cùng phiên dịch và đệ tử từ kinh đô đến.

Ngài bảo: Các ông hãy cùng với những vật sở hữu y bát kinh sách đi đi. Ta nay từ biệt các ông, các ông không cần đến đây nữa, mai này cũng không gặp lại.

Các vị ấy bảo rằng: Hòa thượng còn mạnh khỏe chắc không có chuyện gì?

Pháp sư nói: Chẳng phải điều mà ông biết được.

Các vị ấy quả là không còn thấy Ngài nữa. Đến ngày mồng tám tháng giêng. đệ tử của Ngài là tăng Huyền Giác đêm nằm mộng thấy một cây lớn che khắp cõi phù đồ, cây cao lớn rất là tráng lệ, vừa muốn chiêm ngưỡng, thì bỗng nhiên cây ngã làm chấn động cả đại địa, tâm vị ấy rất sợ hãi. Bất chợt vị ấy thức giấc dậy như mọi ngày, tăng đến tham lễ Hòa thượng, thuật lại các việc. Sư nói: Việc này thuộc về ta, không quan hệ đến ông chớ có lo lắng. Đến ngày Thân tháng chín, sư lại bảo với vị trụ trì Tuệ Đức ở chùa Ngọc Hoa rằng: Ta đương nhiên phải xả thân này, trong kinh nói: Thân này chứa muôn điều ô uế, dụ như thân chó. Ta xả bỏ thân này, chớ để lại ở chùa. Nên an trí ở núi non yên tịnh, làm một áo quan, để trong cái quách. Làm cái xe bằng chiếu trúc đưa đi

lên núi, tốt nhất là theo pháp mà hỏa thiêu.

Bọn ông Tuệ Đức vừa kinh ngạc vừa than thở. Vẫn nghĩ việc này sẽ không tới liền. Đến khi trời sắp tối, nhân ở phòng sau Sư đốn một cây cừ nhỏ nên bị thương ở chân. Trải qua ngày thứ tư, Ngài vẫn hành trì như thường, đến ngày mười ba thì có bệnh. Ngày mười sáu mắt lúc nhắm lúc mở, thường thấy có hoa sen trắng lớn như bình bát, ánh hào quang mát diệu thanh khiết. Đến ngày mười bảy lại thấy có vô lượng trăm ngàn chúng nhân hình dáng rất to lớn, đều mặc y bằng gấm, lại đem cấm y bằng các loại hoa báu đến phòng ở của Pháp sư rất trang nghiêm. Từ trong ngoài Điện đường và Viện dịch thuật, cho đến núi rừng cũng được trang sức bằng các tràng hoa bảo cái, có tấu âm nhạc. Lát sau lại thấy ở ngoài cửa có vô số xe báu, có cả trăm mùi vị thức ăn, và hoa quả y-dược, đều chẳng phải vật của người thế gian. Những vật này đều đem đến hiến cúng cho Pháp sư. Pháp sư từ chối nói rằng: Vật này để người có đầy đủ lục thông thọ nhận. Ta chưa có đầy đủ đức, không dám nhận. Tuy là cố từ chối nhưng vẫn không được. Vị thị giả rất là kinh ngạc và xúc động. Ngài bèn mở mắt, hướng về đại chúng nói đầy đủ các việc như trên.

Trong đêm đó trăng rất sáng, Ngài thấy có ngọn khảm sơn ở trên cây, đều biến thành bạch bảo cái, rồi thấy hai người cầm một cái mâm đựng đầy đồ bảo vật đem đến phụng hiến cùng trình bày đầy đủ các việc. Lúc đó Pháp sư nói: Ta một đời đem trí tuệ và phước đức, đều nhất nhất theo sở kiến, công đức không mất, lời nói cũng không sai lầm.

Nhân đó, Ngài sai các chư Tăng phiên dịch đem các bộ kinh đã dịch như Đại Bát-nhã, Du-già, và các kinh Đại Tiểu thừa, tổng cộng có bảy mươi lăm bộ hợp thành một ngàn ba trăm ba mươi một quyển để mọi người cùng đọc tụng. Ngài rất vui mừng nói:

- Ta vô thường đã đến, nên bảo môn đồ, đến đây để từ biệt.

Đến ngày hai mươi mốt, tự chủ Tuệ Đức nằm mộng thấy vô lượng kim tượng nói là thiên Phật, từ hướng Đông của Viện dịch thuật ở trên không trung giáng lát thì biến mất.

Đến ngày hai mươi hai, môn đồ đều vân tập lại. Ngài dạy đem xả hết những y phục và vật sở hữu. Tạo ra mười tượng Câu-chi và thỉnh chúng tăng đọc kinh và đốt đèn cúng dường.

Đến ngày hai mươi ba, sau khi thọ trai xong đứng chánh ngộ, Ngài sai một người ở trong điện Gia Thọ, đem các thứ hương hoa cúng dường tượng Bồ-tát, đối với bốn tự và đồ chúng, Ngài đều xin vui mừng, và nói lời từ biệt, lại viết biểu đưa cho đệ tử Khuy Cơ dâng lên vua, rồi Ngài

im lặng chánh niệm. Lát sau Ngài nói kệ và dạy người đứng bên tụng. “Nam mô Di-lặc Như Lai ứng chánh đẳng giác, Thủ giữ hàm thức Tốc phụng Từ nhan. Nam mô Di-lặc Như Lai sở cư nội chúng, thủ xả mạng dĩ, tất sanh kỳ trung”.

Đến ngày mừng bốn tháng hai. Khán bệnh Tăng là Minh Tạng thấy hai người cao hơn trượng mặc y đội mũ trắng mỗi vị cùng kính cầm trên tay một hoa sen trắng lớn, đài hoa có ba tầng rất là khả ái. Đến trước mặt Ngài nói rằng:

Từ vô lượng kiếp đến nay đã từng náo loạn chúng sanh, các định nghiệp báo ứng nên phải trả chút bệnh hoạn, nhận thọ rồi thì sẽ tiêu diệt, phải nên vui mừng, chớ có ưu não.

Pháp sư trông thấy như thế thì chấp tay một lúc lâu, rồi chuyển mình xoay qua nằm bên phải duỗi chân ra để chồng lên nhau. Tay mặt để trên đầu, tay trái duỗi thẳng xuống đùi cho đến lúc mạng chung, vẫn không chuyển động. Minh Tạng hỏi vì sao lại nằm như vậy?

Ngài bảo: Chớ hỏi làm gì mà động đến chánh niệm của Ta.

Trong đêm mừng năm, đệ tử Quang Đăng lại hỏi: Hòa thượng có quyết định sanh về cung Di-lặc như trước không?

Ngài đáp: Nhất định được sanh, nói xong thì mạng chung. Trải qua sáu mươi ngày nhan sắc vẫn như lúc còn sống, sắc mặt vẫn như thường, trắng hồng không thay đổi, lại có mùi hương vô dư bay khắp phòng.

Khi Ngài bị bệnh, sứ nhân dịch kinh là Hứa Huyền, có văn tấu lên vua xin cho ngự y khán bệnh và cho thuốc. Khi thầy thuốc đến thì sư đã mất. Cuối cùng quan Thứ sử ở Phương Châu viết biểu thư tấu, vua sắc lệnh mai táng, các việc cần thiết khiến cho Quan Quân cung cấp. Kế đến phụng sắc chỉ tăng Huyền Trang ở chùa Ngọc Hoa đã tịch, những bản phiên dịch đã xong nên chuẩn theo bản cũ mà ghi chép lại, còn những kinh chưa dịch thì đem giao cho chùa Từ Ân, giữ gìn chớ để cho tổn thất, chư Tăng cùng phiên dịch và đệ tử của Huyền Trang trước chẳng phải là tăng ở chùa Ngọc Hoa. Nay có thể trở về chùa cũ.

Lại phụng sắc chỉ rằng. Cố Hòa thượng Huyền Trang, ngày an táng nên khiến cho tăng ni ở kinh thành làm tràng phan để đưa tiễn về mộ phần. Ngày trước Pháp sư, những việc tối việc sáng đều dâng biểu trình bày đầy đủ. Nhà vua liệt Ngài vào hàng Nhị đế, nên rất trân trọng quý kính, dâng cúng lụa màu hơn vạn tấm. Ca sa pháp phục số dùng cả trăm năm. Pháp sư đều vì nước mà lấy đó để xây tháp. Viết sách xây tượng Câu-chi hết một ngàn trình.

Tượng Hiền kiếp thiên Phật một ngàn trình. Di-lặc một ngàn trình,

đắp tượng Phật Câu-chi, cúng dường chúng tăng cấp thí cho người nghèo. Ngài không có cất chứa. Tùy những gì có được mà đem phân phát hết, chỉ lấy việc dịch kinh truyền pháp làm mục đích. Mỗi khi phiên dịch bộ kinh nào, đều làm gấp rút sợ là không hết được.

Một bộ dịch xong rồi thì vui mừng nói rằng: Lấy đây để báo từ ân. Trộm nghe yếu chỉ của Bát chánh đạo thật là để cho người làm thuyền từ ra khỏi biển khổ. Tông phái của nhất thừa là thêm thang đưa người chứng diệu quả Niết-bàn. Nhưng chúng sanh căn cơ chưa thuần thực, nên Phật ra đời xứ Tây Vực. Thời kỳ pháp hóa dung hòa khắp cả vùng sông Hằng. Ngài Ma-đăng truyền sang Hán Thổ Phật giáo từ đây Xiển Dương ở đất này. Ngài tăng hội truyền sang Ngô. Nghĩa Đàm đến đất Sở. Từ đó đến nay đã tạo nhiều nhân duyên cho người tu hành giải thoát, nối gia nghiệp của Long Thọ Bồ-tát. Thế nên biết việc truyền pháp thật là lợi ích lớn vậy. Do vậy mà Pháp sư đã trải qua dặm ngàn thiên lý tìm cầu. Nguyên lý của đạo mâu, lo nghĩ muốn cứu muôn loài. Khuôn phò đại pháp làm sự nghiệp, cho nên trải qua bao gian khổ để cầu kinh pháp, thoát khỏi ách nạn để tham cầu học đạo. Cuối cùng thấy được trân bảo khác thường, đạt được chân văn đầy đủ. Từ thưở Đức Như Lai một đời thuyết pháp. Trên ngọn Linh Thứu triển khai giáo lý phương đẳng, nơi vườn Lộc Uyển, đem văn chương nửa chữ mà lưu lại cho các bậc học thánh là Mã Minh, Long Thọ, Vô Trước, Thiên Thân nương theo chân lý mà xiển dương đầy đủ mười tám loại dị chấp. Ngũ bộ với các loại thù thắng đều đầy đủ. Nghiên cứu đạt đến chỗ yếu chỉ, tức đạt được văn ý. Tìm dấu tích niên đại nơi xứ Phật như rừng Nê-hoàn hiển cố. Hàng phục Ma Vương nơi cây Bồ-đề xây tháp Già-lộ nơi chốn non cao. Trên núi còn lưu ảnh tích Na Kiệt, để cho người sau hết lòng kính lễ, cũng không sai sót. Tam kỳ đều xung mãn, trí giác chiếu soi, đem tâm bố thí khắp quốc độ, mà khéo tả kinh Đại Tiểu thừa giáo, được sáu trăm năm mươi bảy bộ, lại thỉnh bảy thân đức chuyển pháp luân, Phật Xá-lợi hơn một ngàn viên. Đến mùa xuân ngày hai mươi lăm tháng giêng năm Trinh Quán thứ mười chín, Ngài trở về đến Trường An, đạo tục đều nghinh tiếp, khắp cả kinh thành chợ búa đều kinh động. Trên đường đi Ngài mang về cả ngàn quyển kinh, đủ thấy trải qua bao nhiêu khổ nạn, như leo núi bằng hàn giá tuyết vượt qua sóng biển chập chùng, phong khí độc xà hắc ám và các loài sư tử lang sói hung hãn, rồi đem pháp hiển dương nơi thôn xóm.

Trí nghiêm soi cùng đất bạn, chỗ Ban Trương không đặt chân tới, mà Chương Hợi chưa qua. Pháp sư biết là nơi cô sơn chướng ngại, sót

thương vô hạn, nên đem tám ngọn gió bát đạo mà ra ngoài cùng sông Hà, xiển dương quốc ân nơi miền ngũ ấn, khiến cho các bậc quân hầu nơi chốn xa xôi, đều qui tâm trở về nơi Phật quốc.

Ngưỡng vọng thiên uy, tuy thánh đức cảm ứng từ xa cũng là lực thông suốt của Pháp sư, tự trở về nước mà tuyên hóa, bắt đầu thuyết pháp ở nơi am vườn. Những lời áo nghĩa tinh văn, như kim khẩu mới khai. Mà tiết tất bóng quang âm nỗ lực chuyên tu không giải đãi. Thần khí rõ ràng không bị ngưng trệ. Sau mỗi công vụ, Ngài còn vì chư Tôn Đức, nói lại văn nghĩa chế thuật của bốn phương Thánh hiền yếu chỉ từ cạn tới sâu, các bộ loại không đồng, cùng với các vị thiếu niên ở trong khoảng thời gian này. Chu du giảng luận các pháp. Cùng đàm biện với các bậc cao luận, lời lẽ thật rõ ràng mạnh mẽ không hề biết mệt, tinh lực lại vượt hơn người.

Như Pháp sư đây, từ khi trở về nước đến nay, đã được hai mươi năm, cùng phiên dịch các kinh Phạm bản gồm có bảy mươi lăm quyển, dịch ra tiếng Hán.

Tổng cộng được một ngàn ba trăm bốn mươi một quyển còn tới năm trăm tám mươi ba bộ chưa thấy được phiên dịch, như Đại Bát-nhã, Du-già luận, Đại Tỳ-bà-sa, Thuận chánh lý luận v.v... Đều là bảo pháp của nước nhà. Ân trạch của chúng học nhân, nhưng việc phiên dịch kinh điển, đã bắt đầu khởi lên từ khi Hán Minh Đế, do ngài Ma-đăng chủ xướng. Đến nay thì Tam Tạng, đạo tục trước sau có cả trăm người. Đời trước phiên dịch phần nhiều Pháp sư là Bà-la-môn. Bắt đầu từ mùa đông sang đến hạ, mà vẫn chưa dung thông hết. Những vị lãnh thọ đều thừa hành. Tuy vậy, sự tụng đọc hội tụ rất là gian nan hiểm trở. Mỗi khi truyền một câu, đương nhiên phải xét rõ mọi điều nghi vấn. Vì vậy có nhiều phần đảo lộn. Ngày nay Pháp sư, tiếng Hán, Phạm phân ra làm hai ngôn từ đều rõ ràng, sự truyền dịch càng thêm dễ dàng khéo léo như cầm một vật đưa lên cho mọi người xem thì thấy rõ ràng không khác. Cho nên dù tuệ nguyệt chưa được bao nhiêu mà công đức tô bền như bậc tiên triết. Đến như La-thập là bậc hiền thiện của nhà Trần, dịch kinh có hơn mười năm chỉ hơn hai trăm quyển. Lấy đây mà so sánh, khó để đều thấy rõ, cho dù có hết lòng suy xét cũng khó thể sánh kịp. Than ôi! Thật là cao lớn!

ĐẠI ĐƯỜNG CỔ TAM TẠNG HUYỀN TRANG HÀNH TRẠNG

Tháng tám năm Minh Đức thứ hai cảm ứng mà ghi lời ký rõ ràng ra đây. Trong “Đại Sư Phó Pháp Truyện” các hành trạng văn đều dẫn ra đây. Trước sau đều phù hợp có thể gọi là đáng trân trọng vậy.

Pháp ấn thay mặt các vị đại tăng hiền sĩ ghi lại lời bảo ký. Tả Hiền Bảo Sư bốn văn là bí tạng sâu xa, nên ghi lại sau đây nhân ngày húy kỵ ba trăm năm mươi lần của Pháp sư, để tỏ lòng nhớ ơn và làm rạng rỡ thêm cho đạo pháp.

(Ngày mùng năm tháng sáu năm Đinh mão, tăng Thượng Hiền hết lòng chúc tụng).

Viết xong vào ngày mùng tám tháng tám năm Gia Bảo thứ ba.